Số: 3172/QĐ-UBND
Thời gian ký: 20/06/2023 07:47:37 +07:00

PHỤ LỤC
PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Tổng vốn	Phân bổ vốn đã giao tại Phụ lục 2 của Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 chi tiết theo Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh							
			Nội dung thành phần số 1 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00491. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 2 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00492. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 3 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00493. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 6 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00496. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 7 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00497. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 8 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00498. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 9 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00499. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 11 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00502. Mã DP 013
	Tổng cộng	**6.044,8**	**1.777,7**	**30,0**	**1.400,0**	**912,0**	**981,5**	**272,0**	**630,0**	**41,6**
I	**Cấp xã**	**2.251,2**	**1.777,7**	**30,0**	**0,0**	**62,0**	**381,5**	**0,0**	**0,0**	**0,0**
1	Xã Bình Tân	187,6	139,1			32,0	16,5			
2	Xã Tây Bình	187,6	120,0				67,6			
3	Xã Tây Vinh	187,6	187,6							
4	Xã Tây Xuân	187,6	100,0				87,6			
5	Xã Bình Thuận	187,6	187,6							
6	Xã Tây Thuận	187,6	187,6							
7	Xã Bình Nghi	187,6	187,6							
8	Xã Bình Tường	187,6	123,0			30,0	34,6			
9	Xã Bình Thành	187,6	50,0				137,6			
10	Xã Tây Phú	187,6	120,0	30,0			37,6			
11	Xã Bình Hòa	187,6	187,6							
12	Xã Tây An	187,6	187,6							
II	**Cấp huyện**	**3.793,6**	**0,0**	**0,0**	**1.400,0**	**850,0**	**600,0**	**272,0**	**630,0**	**41,6**
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện	1.041,6			1.000,0					41,6

Số TT	Đơn vị	Tổng vốn	Phân bổ vốn đã giao tại Phụ lục 2 của Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 chi tiết theo Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh							
			Nội dung thành phần số 1 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00491. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 2 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00492. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 3 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00493. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 6 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00496. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 7 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00497. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 8 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00498. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 9 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00499. Mã DP 013	Nội dung thành phần số 11 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022) Mã CTMT 00502. Mã DP 013
	Trong đó: Chi phí quản lý chương trình	*41,6*								*41,6*
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	400,0			400,0					
3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện	290,0							290,0	
4	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện	239,0						59,0	180,0	
5	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	850,0				850,0				
6	Phòng Tư pháp huyện	213,0						213,0		
7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	600,0					600,0			
8	Hội Nông dân huyện	80,0							80,0	
9	Huyện đoàn	80,0							80,0	